

Bản án số: 227/2018/HC-PT

Ngày 27 - 6 - 2018

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Minh;

*Các thẩm phán:* Ông Trương Văn Bình;

Ông Hoàng Thanh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 132/2018/TLPT-HC ngày 30 tháng 3 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 05 tháng 2 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 690/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đinh Thị X

Địa chỉ: khu vực 2, Phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trương Cảnh T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ: đường H, Phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang: Ông Lê Quốc V. (có mặt)

2/. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy C – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ: đường Tr, Phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Trung H

Địa chỉ: ấp Ch, xã V1, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị X.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện bà Đinh Thị X trình bày:*

Vào năm 1968 bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Dương Ngọc M, đến năm 1975 mới làm giấy tay. Bà chưa được cấp các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, chỉ có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất được lập ngày 08/6/2000, bản vẽ viết tay có dấu treo của Thanh tra tỉnh Cần Thơ xác định ngang 12,1m, dài 39,8m; Ngoài ra có xác nhận của ông Võ Tấn Th là Chủ tịch UBND thị trấn V ngày 24/02/1998 xác định diện tích đất nhà là 93,5m<sup>2</sup>, ghi nhận là đất nương trũng có công cải tạo bồi lấp.

Theo bà X, căn cứ vào sơ đồ của Thanh tra tỉnh Cần Thơ thì diện tích đất của bà khoảng 400m<sup>2</sup> nhưng bị thu hồi làm Bưu điện là 109,9m<sup>2</sup> và bị người dân chiếm phía sau nên diện tích còn lại là 242m<sup>2</sup> nhưng Ủy ban chỉ ban hành quyết định thu hồi 164,9m<sup>2</sup> và cũng không được bồi thường.

Nay bà yêu cầu hủy Quyết định 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, buộc UBND thành phố V bồi thường cho bà 242m<sup>2</sup> đất.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V là ông Nguyễn Huy C trình bày:*

Theo hồ sơ địa chính thì phần đất bà X sử dụng hoàn toàn là đất hành lang lộ giới không có số thửa, còn số thửa số 14 trên quyết định thu hồi đất là do cơ quan tài nguyên cho số thửa tạm trong quá trình đo đạc, nên chỉ bồi thường về hoa màu, vật kiến trúc, không bồi thường về đất. Theo báo cáo thẩm tra xác minh ngày 26/6/2000 của Thanh tra tỉnh Cần Thơ và quyết định 101 của Thanh tra tỉnh Cần Thơ thì phần đất bà X thuộc đất hành lang lộ giới nên không có tên bà X trong sổ địa chính.

Trước khi ban hành Quyết định số 27/QĐ.UB thì Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định 209/QĐ-CT.UB ngày 01/02/2000 phê duyệt phương án đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng công trình đường 3/2 nhưng bà X không được bồi thường về đất nên khiếu nại, ngày 08/6/2000 Thanh tra tỉnh Cần Thơ mới đo đạc và có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, sau khi trừ hành lang lộ thì chiều dài đất bà X còn lại 14m (không phải như bà X trình bày là 39,8m).

Ngày 19/9/2000, UBND thị xã V ban hành Quyết định 27/QĐ.UB để thu

hồi đất của bà X để mở rộng đường 3/2 diện tích 164,9m<sup>2</sup> nhưng thực tế là 169,4m<sup>2</sup> là toàn bộ đất của bà X có cả phần 109,9m<sup>2</sup> đã được tuyên theo bản án. Quyết định 678/QĐ-UBND của UBND thành phố V điều chỉnh diện tích tại Điều 1 Quyết định 27/QĐ.UB với lý do Bản án số 98 ngày 21/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có hiệu lực, trong đó công nhận 110.11m<sup>2</sup> cho bà X, sau khi bản án có hiệu lực, Ủy ban thực hiện dự án thu hồi xây dựng bưu điện thì diện tích đo đạc thực tế là 109,9m<sup>2</sup>.

Do phần đất thực tế của bà X bị thu hồi tại Quyết định 27/QĐ.UB đã có hiệu lực pháp luật là 169,4m<sup>2</sup> (trong quyết định là 164,9m<sup>2</sup>) theo sơ đồ ngày 08/6/2000 của Thanh tra trừ diện tích thực tế khi thu hồi của bà X theo bản án thì số còn lại là 59,29m<sup>2</sup> nên UBND thành phố V ban hành Quyết định 678/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích tại Điều 1 Quyết định 27/QĐ.UB. Do đó, Quyết định 678/QĐ-UBND ban hành là đúng quy định nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà X.

Trên có sở Quyết định 678/QĐ-UBND là đúng quy định, bà X khiếu nại nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 để giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định 678/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật nên không đồng ý theo yêu cầu của bà X.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang là ông Trương Cảnh T trình bày:*

Ông giữ nguyên ý kiến theo công văn nêu ý kiến số 2104/UBND-TCD ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang là: Qua thu thập, xác minh đo đạc thực tế năm 2000 thì phần đất thực tế của hộ bà X sử dụng có tổng diện tích 169,4m<sup>2</sup>. Năm 2009, thực hiện dự án xây dựng Bưu điện tỉnh thì bà X bị thu hồi 109,9m<sup>2</sup>, còn phần đất bị ảnh hưởng dự án mở rộng đường 3/2 của bà X chỉ là 59,29m<sup>2</sup>. Nhưng Quyết định số 27/QĐ.UB ngày 19/9/2000 của UBND thị xã V thu hồi diện tích 164,9m<sup>2</sup> là không đúng với diện tích thực tế bị ảnh hưởng dự án và cũng không phù hợp với tổng diện tích đất của bà X sử dụng. Do đó, UBND thành phố V ban hành Quyết định 678/QĐ-UBND để điều chỉnh diện tích tại Điều 1 Quyết định số 27/QĐ.UB từ 164,9m<sup>2</sup> thành 59,29m<sup>2</sup> là đúng với diện tích thực tế đất của bà X bị ảnh hưởng dự án đường 3/2. Từ những cơ sở trên, yêu cầu giữ nguyên Quyết định 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung H thống nhất với lời trình bày của mẹ ông là bà X, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy Quyết định 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, buộc UBND thành phố V bồi thường 242m<sup>2</sup> đất cho gia đình ông.*

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 05/2/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị X về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và buộc UBND thành phố V phải bồi thường cho bà 242m<sup>2</sup> đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 13/2/2018, bà Đinh Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Yêu cầu hủy các Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và buộc UBND thành phố V phải bồi thường cho bà 242m<sup>2</sup> đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung giữ nguyên quyết định xử phạt hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Bà Đinh Thị X kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị X kháng cáo trong thời hạn luật định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định số 2341/QĐ-

UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang:

[2.1] Ngày 18/8/1999 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định số 2074/QĐ-UBT-XDCB phê duyệt kỹ thuật công trình đường 3/2, huyện V. Theo đó, bà X bị thu hồi 164,9m<sup>2</sup> đất hành lang lộ giới tại Quyết định số 27/QĐ.UB ngày 19/9/2000 của Ủy ban nhân dân thị xã V để thực hiện dự án nhưng chỉ được bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc, không được bồi thường về đất. Không đồng ý với việc giải quyết của Ủy ban nhân dân thị xã V, nên bà X khiếu nại yêu cầu được bồi thường về đất. Ngày 27/4/2000, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V ban hành Quyết định số 42/QĐ-CT bác yêu cầu đòi bồi thường về đất của bà X. Bà X tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ yêu cầu được bồi thường về đất theo diện tích đo đạc thực tế; Thanh tra tỉnh Cần Thơ đã tiến hành xác minh, đo đạc thực tế phần đất bà X đang sử dụng và lập sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Đinh Thị X ngày 08/6/2000.

[2.2] Tại thời điểm đo đạc và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà X đều thống nhất diện tích đất của bà theo sơ đồ đo vẽ thực tế do Thanh tra tỉnh Cần Thơ lập ngày 08/6/2000. Theo đó, phần đất thực tế bà X đang sử dụng có chiều ngang 12,1m, chiều dài 14m tính từ mép trong hành lang hiện hữu lộ 61 đo vào, tổng diện tích là 169,4m<sup>2</sup>, trong đó, phần bị ảnh hưởng dự án mở rộng đường 3/2 là 59,29m<sup>2</sup> (12,1m x 4,9m), phần còn lại bà X đang tiếp tục quản lý là 110m<sup>2</sup> (12,1m x 9,1m) và đều thuộc đất hành lang lộ giới. Căn cứ vào Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, Thanh tra tỉnh Cần Thơ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 101/QĐ-TTr ngày 23/8/2000 bác yêu cầu của bà X về việc đòi bồi hoàn giá trị đất và giữ nguyên Quyết định số 42/QĐ-CT ngày 27/4/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V. Như vậy, các quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V đã ban hành trước đó có hiệu lực pháp luật nhưng bà X vẫn tiếp tục khiếu nại đến Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra Chính Phủ yêu cầu được bồi thường 59,29 m<sup>2</sup> đất bị ảnh hưởng dự án mở rộng đường 3/2 và đều được trả lời là khiếu nại của bà X yêu cầu được bồi thường diện tích 59,29m<sup>2</sup> đất bị ảnh hưởng dự án mở rộng đường 3/2 là không có căn cứ.

[2.3] Quyết định số 27/QĐ.UB ngày 19/9/2000 của Ủy ban nhân dân thị xã V thu hồi 169,4m<sup>2</sup> là toàn bộ phần đất bà X đang sử dụng; Cho đến khi bản án số 98 ngày 21/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có hiệu lực công nhận phần đất 110,11m<sup>2</sup>; Lấy diện tích 169,4m<sup>2</sup> trừ đi phần đất 110,11m<sup>2</sup> thì phần đất còn lại bị thu hồi theo Quyết định đã có hiệu lực số 27/QĐ.UB ngày 19/9/2000 là 59,29m<sup>2</sup>. Để đảm bảo đúng diện tích thu hồi, căn cứ khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 để điều chỉnh diện tích đất trong Quyết định số 27/QĐ.UB ngày 19/9/2000 của Ủy ban nhân dân thị xã V từ 169,4m<sup>2</sup> thành 59,29m<sup>2</sup> là phù hợp, không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của bà X theo quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Sau khi Ủy ban nhân dân thị xã V ban hành Quyết định số 27/QĐ.UB ngày 19/9/2000, bà X khiếu nại. Căn cứ Điều 18 và Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 để giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 để giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và hình thức. Do đó, yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, buộc UBND thành phố V bồi thường 242m<sup>2</sup> đất của bà X là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, án sơ thẩm đã nhận định và quyết định như nêu trên là có cơ sở pháp luật. Bà Đinh Thị X kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Bởi lẽ đó nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đinh Thị X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị X, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 05/2/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị X về việc yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND thành phố V, Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và buộc UBND thành phố V phải bồi thường cho bà 242m<sup>2</sup> đất.

Bà Đinh Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0016405 ngày 26/2/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THAM PHAN**

**THAM PHAN – CHU TỌA PHIÊN TOA**

**Hoàng Thanh Dũng**

**Trương Văn Bình**

**Trần Xuân Minh**